

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31576 /CTHN-TTHT
V/v nghĩa vụ nộp thuế nhà thầu
thay cho NCC không có trụ sở
tại Việt Nam

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: Công ty Tekken Corporation Nhật Bản. XD công bao sông Tô Lịch
thuộc dự án xử lý nước thải Yên Xá HN
(Địa chỉ: Tầng 2, G4, Tòa nhà Five Star Garden, 2 Kim Giang, P.Kim Giang,
Q.Thanh Xuân, TP Hà Nội MST: 0109016840)

Trả lời công văn số 180621/CV/YENXA ngày 18/6/2021 của Công ty
Tekken Corporation Nhật Bản. XD công bao sông Tô Lịch thuộc dự án xử lý
nước thải Yên Xá HN (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về nghĩa vụ nộp thuế nhà
thầu thay cho nhà cung cấp không có trụ sở tại Việt Nam, Cục Thuế TP Hà Nội
có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước
ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

+ Tại Điều 1 quy định đối tượng áp dụng:

*“Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ
trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):*

1. *Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam
hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh
là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam
(sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh
doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp
đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân
Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để
thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.*

...
+ Tại Khoản 2 Điều 2 quy định đối tượng không áp dụng:

*“2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa cho tổ
chức, cá nhân Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt
Nam dưới các hình thức:*

- *Giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài: người bán chịu mọi trách nhiệm,
chi phí, rủi ro liên quan đến việc xuất khẩu hàng và giao hàng tại cửa khẩu
nước ngoài; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc
nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu nước ngoài về đến Việt Nam (kể cả
trường hợp giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài có kèm điều khoản bảo hành là
trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán).*



- *Giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán).*”

+ Tại Điều 3 quy định giải thích từ ngữ:

“Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Hợp đồng nhà thầu*” là hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài và Bên Việt Nam.

2. “*Hợp đồng nhà thầu phụ*” là hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa Nhà thầu phụ và Nhà thầu nước ngoài.

Nhà thầu phụ gồm Nhà thầu phụ nước ngoài và Nhà thầu phụ Việt Nam.”

+ Tại Khoản 2 Điều 6 quy định đối tượng chịu thuế GTGT:

“2. *Trường hợp hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 2 Chương I); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì giá trị hàng hóa chỉ phải chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ đi kèm (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) thì thuế GTGT được tính chung cho cả hợp đồng.*”

+ Tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 quy định thu nhập chịu thuế TNDN:

“2. *Trường hợp hàng hóa được cung cấp dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 2 Chương I); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo một số dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như dịch vụ quảng cáo tiếp thị (marketing), hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ sau bán hàng, dịch vụ lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế và các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì thu nhập chịu thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là toàn bộ giá trị hàng hóa, dịch vụ.*

Ví dụ 10:

Công ty A ở Việt Nam ký hợp đồng mua dây chuyền máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy xi măng với Công ty B ở nước ngoài. Tổng giá trị Hợp đồng là 100 triệu USD (không bao gồm thuế GTGT), bao gồm giá trị máy móc thiết bị là 80 triệu USD, giá trị dịch vụ hướng dẫn lắp đặt, giám sát lắp đặt, bảo hành, bảo dưỡng là 20 triệu USD.

Nghĩa vụ thuế TNDN của Công ty B đối với Giá trị hợp đồng được xác định như sau:

- Thuế TNDN được tính riêng đối với giá trị dây chuyền máy móc thiết bị nhập khẩu (80 triệu USD) và tính riêng đối với giá trị dịch vụ (20 triệu USD) theo từng tỷ lệ thuế TNDN theo quy định.

- Trường hợp Hợp đồng không xác định cụ thể giá trị dây chuyền máy móc thiết bị và giá trị dịch vụ thì tính thuế TNDN trên tổng giá trị hợp đồng (100 triệu USD) với tỷ lệ thuế TNDN theo quy định.

3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.”

+ Tại Điều 11 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”

+ Tại tiết b.2, tiết b.3 điểm b, Khoản 1 và điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 12 về thuế GTGT quy định:

“b.2 Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục cho nhà thầu phụ được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện.

b.3) Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì Bên Việt Nam khai nộp thuế GTGT thay cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu tương ứng với ngành kinh doanh mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đó thực hiện theo hợp đồng thầu, hợp đồng thầu phụ. Nhà thầu phụ nước ngoài không phải khai nộp thuế GTGT trên phần giá trị công việc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo quy định tại Hợp đồng nhà thầu phụ ký với Nhà thầu nước ngoài mà Bên Việt Nam đã khai nộp thay.”

2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5
2	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; xây dựng, lắp	3

C.N
HL
VH P
N
CUC

	đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	
3	Hoạt động kinh doanh khác	2

b) Xác định tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với một số trường hợp cụ thể:

b.1... Riêng đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đi kèm công trình xây dựng: Trường hợp hợp đồng nhà thầu tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì Nhà thầu nước ngoài không phải nộp thuế GTGT trên giá trị nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu hoặc thuộc diện không chịu thuế GTGT; đối với từng phần giá trị công việc còn lại theo hợp đồng thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu tương ứng với hoạt động kinh doanh đó...”

+ Tại tiết b.2, b.3 điểm b, Khoản 1 và điểm a Khoản 2 Điều 13 về thuế TNDN quy định:

“b.2 Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện.

b.3) Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì Bên Việt Nam khai nộp thuế TNDN thay cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế tương ứng với ngành kinh doanh mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đó thực hiện theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ. Nhà thầu phụ nước ngoài không phải khai nộp thuế TNDN trên phần giá trị công việc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo quy định tại hợp đồng nhà thầu phụ ký với Nhà thầu nước ngoài mà Bên Việt Nam đã khai nộp thay.

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms}	1

2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	Riêng: - Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	10
	- Dịch vụ tài chính phái sinh	2

”
- Căn cứ Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

+ Tại Điểm e Khoản 3 Điều 5 quy định:

“e) Tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thay theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 4 Thông tư này được cấp mã số thuế 10 chữ số (sau đây gọi là mã số thuế nộp thay) để kê khai, nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, nhà cung cấp ở nước ngoài, tổ chức và cá nhân có hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh. Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 4 Thông tư này được bên Việt Nam kê khai, nộp thay thuế nhà thầu thì được cấp mã số thuế 13 số theo mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam để thực hiện xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế nhà thầu tại Việt Nam.

...
+ Tại Khoản 6 Điều 7 quy định địa điểm và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu:

“6. Đối với người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay và tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế ủy nhiệm thu quy định tại Điểm g, m Khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế như sau:

a) Tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua Bên Việt Nam mẫu số 04.1-ĐK-TCT-BK.

...”

Căn cứ các quy định trên:

Trường hợp Nhà thầu phụ nước ngoài (có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu thì nhà thầu phụ nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trường hợp Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu phụ nước ngoài. Tỷ lệ % tính thuế GTGT và TNDN trên doanh thu thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a Khoản 2 Điều 12 và điểm a Khoản 2 Điều 13 Thông tư 103/2014/TT-BTC. Việc mở MST của nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm e Khoản 3 Điều 5 và Khoản 6 Điều 7 Thông tư 105/2020/TT-BTC.



Trường hợp nhà cung cấp nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa cho tổ chức Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới các hình thức giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài hoặc giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư 103/2014/TT-BTC thì thuộc đối tượng không áp dụng Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Trường hợp nhà cung cấp nước ngoài thực hiện cung cấp nguyên vật liệu, hàng hoá theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư 103/2014/TT-BTC); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo dịch vụ tiến hành tại Việt Nam (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì:

+ Về thuế GTGT: Giá trị hàng hóa chỉ phải chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT; Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ đi kèm (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) thì thuế GTGT được tính chung cho cả hợp đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 103/2014/TT-BTC. Tỷ lệ % thuế GTGT trên doanh thu tính thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Tiết a Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

+ Về thuế TNDN: Thu nhập chịu thuế TNDN là toàn bộ giá trị hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư 103/2014/TT-BTC. Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu tính thuế thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a Khoản 2 Điều 13 Thông tư 103/2014/TT-BTC.

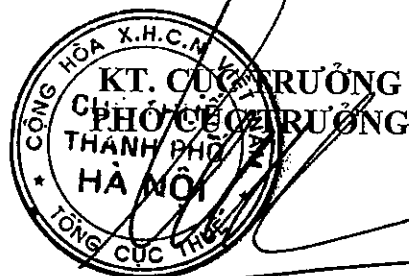
Về việc xác định tài khoản thanh toán khi Tekken Corporation tại Nhật thanh toán cho nhà cung cấp nước ngoài không thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội. Đề nghị đơn vị liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được giải đáp.

Đề nghị Công ty căn cứ hướng dẫn nêu trên, đối chiếu với tình hình thực tế tại đơn vị để thực hiện việc kê khai, nộp thuế theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, nếu có vướng mắc đề nghị Công ty tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra kiểm tra thuế số 2 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty Tekken Corporation Nhật Bản. XD công bao sông Tô Lịch thuộc dự án xử lý nước thải Yên Xá HN được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT2;
- Phòng NVDTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTH(2) (6; 3)



Nguyễn Tiên Trường